

# QUAN HỆ TRUNG - VIỆT TRONG THỜI KỲ CHIẾN TRANH LẠNH (1950 - 1975)

TH.S NGUYỄN PHƯƠNG HOA  
*Viện Nghiên cứu Trung Quốc*

Quan hệ Trung - Việt trong 25 năm từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao cho đến khi Việt Nam thống nhất đất nước (1950-1975) diễn ra trong bối cảnh chiến tranh lạnh đã triển khai toàn diện với sự hình thành của các khối liên minh kinh tế và quân sự; phát triển đến đỉnh cao với các cuộc chạy đua vũ trang, tập hợp lực lượng, xung đột cục bộ. Vì vậy, mối quan hệ này đã chịu tác động mạnh mẽ từ quan hệ quốc tế phức tạp mà tiêu biểu là hòa hoãn Mỹ - Xô, mâu thuẫn Trung - Xô, hòa hoãn Trung - Mỹ. Những tác động đó có lúc làm cho quan hệ Trung - Việt phát triển thuận chiều, có lúc khiến quan hệ Trung - Việt gặp khó khăn, trắc trở, hai nước nghi ngờ, thiếu tin tưởng lẫn nhau. Bài viết tập trung khái quát một vài nét nổi bật của quan hệ Trung - Việt trong 25 năm này.

## **1. Quan hệ hữu nghị, hợp tác là dòng chính**

Quan hệ quốc tế trong thời kỳ Chiến tranh lạnh diễn biến phức tạp với sự đối

đầu của hai cực Liên Xô và Mỹ, mâu thuẫn Xô - Trung và sau này là tam giác chiến lược Mỹ - Trung - Xô. Khi mâu thuẫn Trung-Xô phát triển đến đỉnh điểm, hai nước trở nên đối địch và hòa hoãn Trung-Mỹ đã có ảnh hưởng xấu đến quan hệ Trung-Việt, giữa hai nước đã có bất đồng, mâu thuẫn. Nhưng nếu nhìn xuyên suốt toàn bộ quá trình phát triển trong suốt 25 năm từ năm 1950-1975, hữu nghị, hợp tác vẫn là dòng chính. Việt Nam là một trong những nước láng giềng có quan hệ tốt nhất với Trung Quốc trong thời gian này.

### ***1.1. Hai nước ủng hộ lẫn nhau trong nhiều vấn đề chính trị, ngoại giao***

Trong khi Việt Nam khôi phục kinh tế miền Bắc, đấu tranh thống nhất nước nhà, Trung Quốc cũng phải đối mặt với một số vấn đề đối nội, đối ngoại, đó là sự can thiệp của Mỹ vào Đài Loan, sự nổi dậy ở Tây Tạng, tranh chấp biên giới với Ấn Độ, đấu tranh giành lại vị trí ở Liên hợp quốc... Việt Nam lên án việc Mỹ xâm chiếm Đài Loan, âm mưu tạo ra

“hai nước Trung Quốc” hoặc “một Trung, một Đài”. Trước sau như một, Việt Nam luôn thừa nhận Đài Loan là một phần của lãnh thổ Trung Quốc và coi Mỹ là kẻ thù chung của hai dân tộc bởi Mỹ cản trở sự thống nhất Việt Nam và cản trở việc đưa Đài Loan trở về Trung Quốc. Việt Nam cũng phản đối việc Đại hội đồng Liên hợp quốc khoá 14 thông qua Nghị quyết “vấn đề Tây Tạng” và khẳng định Tây Tạng là một bộ phận lãnh thổ không thể tách rời của Trung Quốc, dẹp cuộc phiến loạn và tiến hành cải cách dân chủ ở Tây Tạng hoàn toàn là công việc nội bộ của Trung Quốc. Việt Nam lên án Mỹ ngăn cản Trung Quốc khôi phục địa vị chính đáng tại Liên hợp quốc, ủng hộ bản Tuyên bố ngày 21-12-1961 của Bộ Ngoại giao nước CHND Trung Hoa yêu cầu Liên hợp quốc trả lại cho Trung Quốc quyền chính đáng tại tổ chức này.

Khi nước Việt Nam ra đời, chưa được nước nào trên thế giới công nhận và sau đó phải đơn độc tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp trong vòng vây, Trung Quốc là nước đầu tiên công nhận Việt Nam, mở ra thắng lợi ngoại giao to lớn với sự công nhận của Liên Xô và nhiều nước XHCN Đông Âu khác. Là một nước tham dự Hội nghị Geneve về Việt Nam, Trung Quốc luôn quan tâm đến việc thực hiện Hiệp định, phản đối mạnh mẽ việc Mỹ phá hoại Hiệp định, can thiệp và xâm lược Việt Nam.

Trước sự can thiệp và xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ, Chính phủ Trung Quốc và Bộ Ngoại giao Trung Quốc

đã phát biểu mấy chục tuyên bố, khẳng định quyết tâm ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam. Trung Quốc đã tổ chức hàng trăm cuộc biểu tình, báo chí Trung Quốc đăng hàng trăm bài báo lên án đế quốc Mỹ, ủng hộ Việt Nam. Tiếng nói ủng hộ của Trung Quốc đã cổ vũ tinh thần chiến đấu, tăng thêm niềm tin cho quân và dân Việt Nam, đồng thời cũng có tác dụng ngăn chặn, răn đe đối với hành động của kẻ thù.

### ***1.2. Trung Quốc viện trợ cho hai cuộc kháng chiến của Việt Nam***

Bên cạnh sự ủng hộ về tinh thần, Trung Quốc là một trong hai nước viện trợ chủ yếu cho cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ của Việt Nam trong lúc bản thân còn nhiều khó khăn. Nếu như Liên Xô chỉ tích cực ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam từ năm 1965 (trong thời gian kháng chiến chống Pháp cũng có viện trợ nhưng do đã có sự phân công giữa Liên Xô và Trung Quốc, Liên Xô viện trợ các nước Đông Âu, Trung Quốc viện trợ Việt Nam nên chủ yếu vẫn là Trung Quốc, còn trong thời gian từ 1955-1965 do thực hiện hòa hoãn với Mỹ nên không viện trợ cho kháng chiến chống Mỹ để tránh đối đầu trực tiếp với Mỹ, chỉ viện trợ cho xây dựng kinh tế ở miền Bắc) thì Trung Quốc đã viện trợ toàn diện cho Việt Nam ngay từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao.

*Viện trợ về kinh tế*, từ năm 1955-1974, Trung Quốc đã viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam 2577 triệu Rúp, cho vay dài hạn 295 triệu Rúp, là nước viện trợ

không hoàn lại về kinh tế cho Việt Nam (kinh tế của nước ngoài), là nước cho vay nhiều nhất (chiếm 53% tổng số viện trợ lớn thứ hai (chiếm 31%).

**VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI VÀ VAY DÀI HẠN  
CỦA CÁC NƯỚC XHCN CHO VIỆT NAM (1955-1974)**

Đơn vị: triệu Rúp

Nước	Tổng số	Viện trợ không hoàn lại	Vay dài hạn
	5749	4844	950
Liên Xô	1831	1365	466
Trung Quốc	2872	2577	295
Các nước XHCN khác	1091	902	189

*Nguồn: Báo cáo về tình hình quan hệ kinh tế của ta với nước ngoài từ năm 1955 đến 1974" của Vụ Hợp tác Quốc tế trong Hồ sơ Tình hình quan hệ kinh tế giữa Việt Nam với nước ngoài từ 1955-1974 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, HS 32. (Số liệu này được tính lại sau khi đã chuyển tiền vay được xóa nợ sang tiền viện trợ không hoàn lại.)*

**BẢNG SO SÁNH MỨC ĐÁP ỨNG MẶT HÀNG NHẬP KHẨU CHỦ YẾU  
CỦA CÁC NƯỚC CHO VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN 1954-1974**

Đơn vị: %

Tên hàng	Trung Quốc	Liên Xô	Các nước XHCN khác
Sắt thép	40	40	20
Nhiên liệu lỏng	34	63	
Than mỡ, than cốc	Hầu hết của Trung Quốc		
Các loại phân bón	35	39	11
Máy kéo	10	55	35
Ô tô vận tải		37	17
Phương tiện vận tải đường sắt	Gần 100%		
Lương thực	62	38	
Bông, sợi bông	87	13	

*Nguồn: Báo cáo về tình hình quan hệ kinh tế của ta với nước ngoài từ năm 1955 đến 1974" của Vụ Hợp tác Quốc tế trong Hồ sơ Tình hình quan hệ kinh tế giữa Việt Nam với nước ngoài từ 1955-1974 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, HS 32.*

Số tiền viện trợ và tiền vay này chiếm một tỉ lệ rất lớn trong thu chi ngân sách và chi cho tích lũy của Việt Nam những năm đó, góp phần giúp Việt Nam nhanh chóng phục hồi kinh tế và phát triển đáp ứng nhu cầu vừa kháng chiến, vừa xây dựng đất nước. Viện trợ của Trung Quốc giúp Việt Nam khôi phục nền sản xuất, đặc biệt là công nghiệp sau kháng chiến chống Pháp. Đến những năm 1960, miền Bắc đã có thể sản xuất được hầu hết các sản phẩm công nghiệp quan trọng, đáp ứng một phần về nhu cầu tư liệu sản xuất, trang thiết bị toàn bộ và bộ phận cho các ngành kinh tế quốc dân cũng như đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Quan hệ thương mại giữa Trung Quốc và Việt Nam trong suốt 25 năm cũng mang nhiều tính chất giúp đỡ, viện trợ. Trung Quốc là một trong hai nước cung cấp nhiều nhất cho Việt Nam cả về khối lượng cũng như mặt hàng, đáp ứng nhu cầu phục hồi sản xuất và nhu cầu tiêu dùng của Việt Nam trong những năm chiến tranh. Trung Quốc cũng là thị trường xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam khi đó.

*Viện trợ về quân sự*, cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam đã nhận được viện trợ tích cực của Trung Quốc. Tổng số viện trợ (súng đạn, lương thực, hàng quân y, quân trang...) từ tháng 5/1950 - 6/1954 là 21.517 tấn, trị giá 34 triệu Rúp, trong đó ngoài ô tô vận tải, pháo cao xạ, hoả tiễn sáu nòng, tiểu liên K50 là của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu, còn

các vũ khí bộ binh, pháo 105 ly, 75 ly và lương thực là do Trung Quốc giúp đỡ. Số viện trợ nói trên chiếm khoảng 20% tổng số vật chất sử dụng trên chiến trường Bắc Bộ trong thời gian này<sup>(1)</sup>.

Trung Quốc cũng là một trong hai nước viện trợ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam nhiều nhất, chiếm khoảng 50% trong tổng số 2.362.682 tấn, trị giá khoảng 7 tỷ Rúp viện trợ quốc tế cho cuộc kháng chiến chống Mỹ<sup>(2)</sup>. Trung Quốc viện trợ cho Việt Nam chủ yếu là vũ khí bộ binh, quân trang, quân dụng, lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, phương tiện vận tải và một số xe quân sự, đạn pháo.

Một điều cũng cần nêu ở đây, trong tất cả các nước viện trợ cho Việt Nam kháng chiến chống Mỹ, Trung Quốc là nước duy nhất viện trợ trực tiếp bằng ngoại tệ. Đầu thập kỷ 1960, để đáp ứng yêu cầu của chiến trường, Việt Nam có đặt vấn đề với Trung Quốc viện trợ cho miền Nam một số ngoại tệ bằng tiền mặt đôla Mỹ. Theo Báo cáo Quyết toán do ông Mai Hữu ích, người trực tiếp điều hành "Quỹ ngoại tệ đặc biệt" - B29, lúc đó là Phó Cục trưởng Cục Ngoại hối, đồng thời là Ủy viên Ban Viện trợ miền Nam, viện trợ bằng ngoại tệ tự do của Trung Quốc cho miền Nam từ năm 1964 - 1975 là 626.042.653,52 USD/tổng số 678.701.874,36 USD viện trợ của Chính phủ, nhân dân và các tổ chức quốc tế cho Việt Nam<sup>(3)</sup>.

Một sự giúp đỡ đáng kể của Trung Quốc cho kháng chiến chống Mỹ của Việt

Nam chính là giúp Việt Nam đảm bảo giao thông liên lạc và vận chuyển hàng hóa quá cảnh. Trung Quốc đã cử công binh giúp Việt Nam sửa chữa, phục hồi giao thông khi Mỹ bắt đầu đánh phá miền Bắc với quy mô lớn, tàn phá những tuyến đường giao thông huyết mạch ở miền Bắc. Chính phủ Trung Quốc đồng ý cho Việt Nam sử dụng cảng Phòng Thành và để một số tàu biển chở hàng viện trợ quốc tế cho Việt Nam được bốc dỡ hàng ở cảng Trạm Giang (Quảng Đông), sau đó được chở bằng đường sắt vào Việt Nam qua tuyến đường sắt Lạng Sơn khi Mỹ rải mìn khoá các cửa ngõ giao thông đường biển. Trung Quốc giúp đỡ xây dựng hai tuyến đường ống dẫn dầu để phá âm mưu phong tỏa Hà Nội của Mỹ.

Sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung Quốc có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với cuộc kháng chiến chống Pháp, đối với công cuộc xây dựng kinh tế ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam. Trong 25 năm này, quan hệ Trung - Việt tuy đã bộc lộ một số vấn đề và phát triển theo chiều hướng xấu đi nhưng sự ủng hộ lẫn nhau của hai nước, viện trợ của Trung Quốc dành cho Việt Nam cũng như tình cảm của nhân dân hai nước khiến quan hệ Trung-Việt hiện đại được mở đầu bằng trang sử hữu nghị. Mối quan hệ hữu nghị này được xây dựng trên những cơ sở sau:

*Thứ nhất*, hai Đảng, hai nước đã có quan hệ hữu nghị truyền thống và sau khi thành lập, cùng đứng trong hàng

ngũ các nước XHCN, đều có mục tiêu xây dựng CNXH, chống lại chủ nghĩa đế quốc mà đứng đầu là Mỹ. Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, Mỹ tìm cách bao vây và tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản, cùng chung ý thức hệ, đoàn kết với nhau để duy trì sự lãnh đạo của ĐCS cũng chính là một bộ phận của lợi ích quốc gia, phù hợp với lợi ích quốc gia. Sự gặp gỡ về lợi ích của hai Đảng đã góp phần làm nên tính chất đồng chí trong quan hệ Trung - Việt giai đoạn này.

*Thứ hai*, ở một mức độ nhất định giữa hai nước có sự dung hòa trong các lợi ích quốc gia khác. Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp sau khi đất nước mới thành lập được 1 năm, sau đó lại tiến hành kháng chiến chống Mỹ kéo dài 20 năm. Một dân tộc vừa thoát khỏi ách đô hộ của thực dân phong kiến đã phải đối đầu với hai nước thực dân, đế quốc hùng mạnh như thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đó là sự khó khăn, gian khổ, hi sinh mà không một dân tộc nào trên thế giới phải gánh chịu như nhân dân Việt Nam trong lịch sử hiện đại. Lợi ích cao nhất lúc này của nhân dân Việt Nam là giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Nước Việt Nam ta nhất định phải thống nhất. Đồng bào Nam và Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà” và “thống nhất nước nhà là con đường sống của nhân dân ta”<sup>(4)</sup>. Vì vậy, mọi chính sách đối nội, đối ngoại của Việt Nam lúc này đều phục vụ, hướng đến mục tiêu cao cả đó. Việt Nam phải tranh thủ và

tận dụng mọi điều kiện thuận lợi trên thế giới có lợi cho cuộc đấu tranh chính nghĩa của mình, trong đó có việc chú trọng phát triển quan hệ láng giềng hữu nghị với Trung Quốc nhằm tranh thủ sự ủng hộ của Trung Quốc.

Còn với Trung Quốc, sự ủng hộ phong trào giải phóng của các dân tộc trên thế giới, trong đó có Việt Nam, của Trung Quốc xuất phát từ ý thức hệ nhằm tăng cường sức mạnh cho mình, cho hệ thống XHCN, nhưng điều quan trọng hơn là xuất phát từ lợi ích quốc gia, đó là đảm bảo tồn tại và an ninh, phát triển và phần vinh kinh tế, mở rộng về uy tín và ảnh hưởng của Trung Quốc. Nước CHND Trung Hoa ra đời dưới sự lãnh đạo của ĐCS Trung Quốc sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống xâm lược và cuộc nội chiến với Quốc Dân đảng có sự hậu thuẫn của Mỹ. Vì vậy, đoàn kết với Việt Nam chống lại thực dân đế quốc, giữ vững vị trí lãnh đạo của ĐCS cũng như an ninh quốc gia để tập trung phát triển kinh tế đất nước là yêu cầu bức thiết, là lợi ích thiết thực của Trung Quốc lúc đó. Bởi nếu như thực dân Pháp hay đế quốc Mỹ thành công trong việc thôn tính miền Bắc, xóa bỏ nhà nước do ĐCS Việt Nam lãnh đạo thì đó là điều vô cùng tệ hại đối với Trung Quốc. Chủ tịch Mao Trạch Đông đã nói với Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Lê Đức Thọ trong buổi tiếp ngày 1-2-1973: “Sự giúp đỡ của chúng tôi rất ít ỏi. Chúng tôi phải cảm ơn các đồng chí. Chính các đồng chí đã giúp đỡ chúng tôi. Các đồng chí đã chiến

đấu chống chủ nghĩa đế quốc Mỹ hơn mười năm nay. Chúng ta luôn luôn giúp đỡ lẫn nhau”<sup>(5)</sup>.

Sau khi mâu thuẫn Trung - Xô bùng nổ, mặc dù giữa Việt Nam và Trung Quốc đã có bất đồng, không hài lòng, nhưng Trung Quốc vẫn duy trì quan hệ hữu nghị, vẫn viện trợ cho Việt Nam nhằm đối lập với lập trường của Liên Xô, tạo dựng hình ảnh về một Trung Quốc đứng về phía các nước thuộc thế giới thứ ba, tích cực chống chủ nghĩa đế quốc và cũng muốn đóng vai trò tích cực khi giải quyết vấn đề Việt Nam. Trong thời gian Trung - Mỹ đi tới hòa giải, Trung Quốc vẫn tiếp tục viện trợ cho Việt Nam bởi Trung Quốc muốn nắm vấn đề Việt Nam để tạo lợi thế trong quan hệ với Mỹ và tránh để Liên Xô nhảy vào lấp chỗ trống, tạo nên sự uy hiếp mới sau khi Mỹ rút quân. Một nhà nghiên cứu Trung Quốc đã nhận định: “Mục đích chính viện trợ Việt Nam kháng chiến chống Mỹ của Trung Quốc không chỉ là vấn đề nêu cao tinh thần chủ nghĩa quốc tế, chi viện cho cách mạng thế giới, mà còn có yếu tố tranh đoạt Việt Nam với Liên Xô. Trung Quốc không cho phép Liên Xô có quyền chủ động trong quan hệ với Việt Nam, đưa Việt Nam vào phạm vi thế lực chiến lược của họ, từ đó lấp chỗ trống sau khi Mỹ rút quân khỏi Việt Nam, uy hiếp phía Nam Trung Quốc, sáp nhập vào vành đai bao vây Trung Quốc của họ.”<sup>(6)</sup> Điều này lý giải tại sao, Trung Quốc một mặt tích cực hòa giải với Mỹ, mặt khác vẫn tích cực ủng hộ nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Mỹ.

Một yếu tố góp phần làm nên đặc điểm hữu nghị, anh em giữa hai nước Trung-Việt giai đoạn này còn phải kể đến đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hiếm có vị lãnh đạo nào có quan hệ gắn bó với Trung Quốc, am hiểu Trung Quốc và được các lãnh đạo Trung Quốc dành cho nhiều tình cảm như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chu Ân Lai đã từng tâm sự: “Tôi quen Hồ Chủ tịch năm 1922. Năm 1925, Hồ Chủ tịch đi Quảng Châu giúp đỡ cách mạng Trung Quốc. Đây là mối quan hệ ruột thịt”<sup>(7)</sup>. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, trong buổi tiếp các nhà lãnh đạo Việt Nam, Chu Ân Lai đã bày tỏ: “Quan hệ giữa Hồ Chủ tịch với Trung Quốc không phải là mối quan hệ thông thường, Người đã gắn bó hai Đảng và nhân dân hai nước lại với nhau”<sup>(8)</sup>. Để tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 8-9-1969, Quốc vụ viện Trung Quốc quyết định tất cả các cơ quan nhà nước và các tổ chức, tất cả các đơn vị hải quân, nhà máy, hầm mỏ, xí nghiệp, công xã nhân dân và trường học trên toàn quốc và các tàu thuyền ở các bến cảng treo cờ rủ trong ngày 9-9. Nhờ có sự tinh tế, khéo léo trong ứng xử với Trung Quốc, quan hệ mật thiết giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với các nhà lãnh đạo Trung Quốc, nên khi quan hệ Trung- Xô căng thẳng, quan hệ Trung-Việt đã xuất hiện sự thiếu tin tưởng, thì về cơ bản Việt Nam vẫn giữ được cân bằng trong quan hệ với Trung Quốc, Trung Quốc vẫn ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam.

Tuy nhiên, do chịu tác động của các nhân tố khách quan và chủ quan, quan hệ Trung-Việt đã phát triển theo chiều

hướng xấu đi với những bất đồng, thiếu tin tưởng xuất hiện ngày càng nhiều. Đây chính là nguyên nhân sâu xa dẫn đến căng thẳng, thậm chí xung đột trong quan hệ hai nước sau năm 1975.

## 2. Quan hệ Trung-Việt giai đoạn 1965-1975 phát triển theo chiều hướng ngày càng xấu đi

Do ảnh hưởng của mâu thuẫn Xô - Trung và những thay đổi trong chính sách của Liên Xô đối với Việt Nam cũng như điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc, từ năm 1965, quan hệ Trung-Việt đã bắt đầu phát triển theo chiều hướng xấu đi, giữa hai nước xuất hiện sự nghi ngờ, thiếu tin tưởng.

Hai nước có lập trường khác nhau trong vấn đề chống xét lại, thực chất là chống Liên Xô. Trung Quốc cho rằng cần phải thực hiện song song, không thể tách rời giữa chống đế quốc và chống xét lại, muốn Việt Nam đứng về phía mình, giương cao ngọn cờ chống Mỹ, chống Liên Xô. Còn Việt Nam kiên trì tách rời hai vấn đề này và cho rằng hai nước Trung - Việt có sự khác biệt trong đánh giá vấn đề Liên Xô.

Hai nước bất đồng trong việc đánh giá về viện trợ của Liên Xô và quan hệ với Liên Xô. Trung Quốc không hài lòng khi Việt Nam có cách nhìn nhận độc lập, không đứng về phía Trung Quốc chống lại Liên Xô, vẫn phát triển quan hệ và tranh thủ viện trợ của Liên Xô, bởi Trung Quốc cho như vậy là muốn lấy lòng Liên Xô mà không tiếc làm tổn hại

tình hữu nghị Trung-Việt, quan hệ tốt với Liên Xô là giúp vốn chính trị cho họ lừa bịp nhân dân Liên Xô và nhân dân thế giới. Tháng 10-1965, Thủ tướng Chu Ân Lai nói với lãnh đạo Việt Nam: “Trong mối quan hệ Trung - Việt đã xuất hiện đám mây đen, giữa chúng ta đã có bất đồng.”<sup>(9)</sup> Trong buổi tiếp đoàn đại biểu ĐCS Việt Nam do Bí thư thứ nhất BCH Trung ương Đảng Lê Duẩn dẫn đầu sau khi tham dự Đại hội 23 của ĐCS Liên Xô trở lại Trung Quốc, ngày 25-3-1966, Thủ tướng Chu Ân Lai đã nhắc lại: “Từ khi Liên Xô xen vào vấn đề Việt Nam thực tế đã có bóng đen trong quan hệ giữa hai nước chúng ta”<sup>(10)</sup>. Tiếp sau đó, trong cuộc hội đàm giữa đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam do Lê Duẩn dẫn đầu với Chu Ân Lai, Đặng Biểu Bình, Khang Sinh ngày 13-4-1966, lãnh đạo Trung Quốc nhận định: “Trong quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam bây giờ không phải chỉ là có bóng đen mà đã có sứt mẻ. Phải chăng Trung Quốc “quá nhiệt tâm” trong vấn đề giúp Việt Nam cho nên Việt Nam nghi ngờ?” và “từ nay có lẽ không nên quá nhiệt tâm”<sup>(11)</sup>. Chính vì khúc mắc này, hai bên đã không ra được Thông cáo chung nhân chuyến thăm của đoàn đại biểu ĐCS Việt Nam.

Trước sự phát triển của mâu thuẫn Xô - Trung, sức ép từ phía Trung Quốc, Việt Nam đã gặp khó khăn trong việc đoàn kết và tranh thủ viện trợ của hai nước lớn trong phe XHCN. Trong hội đàm giữa đoàn đại biểu hai nước vào tháng 4-1966, Chu Ân Lai và Đặng Tiểu

Bình tuyên bố dứt khoát: “Các đồng chí đề cập song song viện trợ của Liên Xô và viện trợ của Trung Quốc như vậy là sỉ nhục đối với chúng tôi. Vì vậy, từ nay trở đi, khi các đồng chí nói đến viện trợ của Liên Xô thì không nên nói đến viện trợ của Trung Quốc”<sup>(12)</sup>. Trung Quốc cho rằng Việt Nam có thái độ không công bằng với Trung Quốc: “Trong quan hệ giữa Trung Quốc với ta, Trung Quốc thì hết lòng hết sức với ta, ta thì “vô ơn”, không chút ủng hộ Trung Quốc cả trong cuộc đấu tranh với ban lãnh đạo Liên Xô, trong cuộc tranh chấp với Cu Ba, không những thế ta còn quan hệ khăng khít với những người đó, đề cao họ, về khách quan là “làm hại Trung Quốc”, “tiếp tay cho họ cô lập và đả kích Trung Quốc”.<sup>(13)</sup>

Trong lúc cần phải tranh thủ sự ủng hộ của tất cả các nước, đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc, Đảng, Chính phủ Việt Nam đã gặp không ít khó khăn trong việc hoà hoãn mâu thuẫn Xô - Trung, làm cho Trung Quốc hiểu đường lối đối ngoại của Việt Nam để từ đó không làm ảnh hưởng đến quan hệ song phương. Tuy nhiên, cùng với quan hệ Trung - Xô ngày càng căng thẳng và một số tác động khác, quan hệ Trung-Việt cũng ngày càng phát triển theo chiều hướng xấu đi. ở đây, chúng tôi đồng tình với ý kiến của nhà nghiên cứu Trung Quốc Lý Đan Tuệ: “Khi Việt Nam đang trong tình hình chiến tranh, thái độ này của Trung Quốc đã mang tính chất tăng áp lực. Có thể thấy rằng, ở mức độ nào đó thái độ cứng nhắc của Trung Quốc đã đẩy Việt Nam nghiêng về phía Liên Xô”<sup>(14)</sup>.

Chính vì nhận thấy giữa hai Đảng, hai nước đã có sự xa cách nhất định, ngày 25-3-1966, Thủ tướng Chu Ân Lai đã nhắc nhở: “Hai Đảng chúng ta quan hệ khăng khít, hoạn nạn có nhau. Cho nên, việc tiếp xúc với nhau là rất cần thiết, đặc biệt là những vấn đề gì chúng tôi nhận thấy cần nêu ra để các đồng chí tham khảo thì hỏa tốc nêu ra. Mong các đồng chí Việt Nam cũng không coi chúng tôi là người ngoài, có vấn đề gì cần thông báo xin cho chúng tôi biết”<sup>(15)</sup>. Tuy nhiên, càng về sau sự phối hợp giữa hai nước càng giảm, quan hệ giữa lãnh đạo cấp cao hai nước đã không còn gần gũi, mật thiết như trước nữa, từ đó trực tiếp ảnh hưởng đến vấn đề viện trợ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam.

Tháng 8-1966, Việt Nam đề nghị Trung Quốc tăng cường viện trợ lực lượng phòng không để bảo vệ vận chuyển đường sắt, đường bộ và công trình xây dựng của Trung Quốc giúp đỡ tránh bị phá hoại, Trung Quốc đã khéo léo từ chối<sup>(16)</sup>. Đầu tháng 10-1968, để khắc phục hậu quả do bão gây ra và viện trợ vật tư cho miền Nam, Việt Nam đề nghị cử đoàn đại biểu đến Trung Quốc bàn bạc, Chu Ân Lai phúc đáp Phạm Văn Đồng: “Do bận công tác trong nước trong tháng 10, những người phụ trách Đảng, Chính phủ Trung Quốc không thể tiếp đoàn đại biểu Đảng, Chính phủ Việt Nam. Về yêu cầu của phía Việt Nam “có thể điều chỉnh trước trong kế hoạch viện trợ năm 1969”<sup>(17)</sup>. Trên thực tế trước, sau và trong thời gian tổ chức Hội nghị toàn thể Trung ương 12, Mao Trạch

Đông đã tiếp đoàn đại biểu Guinea, Ngoại trưởng Pakistan, đoàn đại biểu chính đảng Albania; Chu Ân Lai và các lãnh đạo khác của Trung Quốc cũng hoạt động đối ngoại liên tục, còn cuộc gặp với Phạm Văn Đồng bị lùi lại đến tháng 11.

Trung Quốc chủ động mở cánh cửa ngoại giao với Mỹ trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam đang bước vào thời kỳ then chốt, đang đến gần thắng lợi cuối cùng đã tác động mạnh mẽ đến niềm tin của Việt Nam với Trung Quốc, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ song phương. Mặc dù trong khi tiến hành hòa giải với Mỹ, Trung Quốc đã lường trước được tác động của nó đến quan hệ Trung-Việt, có thay đổi trong ủng hộ cuộc kháng chiến của Việt Nam như Trung Quốc đã lùi hội đàm Trung - Mỹ như đã định vào ngày 20-5-1970 để tổ chức quần chúng ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Dương, Hội nghị Bộ Chính trị ĐCS Trung Quốc quyết định đề nghị Mao Trạch Đông phát biểu tuyên bố công khai ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, hội nghị cấp cao của nhân dân Đông Dương; mời Mao Trạch Đông, Lâm Bưu tham dự biểu tình ở Bắc Kinh..., nhưng sự điều chỉnh chính sách đối ngoại này vẫn ảnh hưởng đến quan hệ Trung - Việt.

Quan hệ hai nước ngày càng xấu đi cũng được phản ánh rõ nét trong quan hệ kinh tế thương mại, đặc biệt là viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam. Viện trợ kinh tế cho Việt Nam giảm dần. Sau năm 1969, Trung Quốc bắt đầu nhấn

nam Việt Nam không thể quá dựa vào viện trợ của nước khác, từ nay về sau nên đi theo phương châm độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh. Viện trợ không hoàn lại năm 1974 là 1250 triệu NDT, năm 1975 là 850 triệu NDT, viện trợ thiết bị toàn bộ năm 1974 là 500 triệu NDT, từ năm 1975 trở đi không có. Trong đàm phán về kinh tế cho năm 1976, Trung Quốc không viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam, mà đặt vấn đề cho vay 100 triệu NDT<sup>(18)</sup> để nhập khẩu hàng lẻ và cung cấp hàng lẻ chỉ trong phạm vi khoản tiền vay này, không có viện trợ quân sự. Một số mặt hàng trước đây Trung Quốc cung cấp theo đường viện trợ như: than mỡ, than cốc, sắt thép, máy kéo, máy ủi... đã chuyển sang trao đổi thương mại bình thường, một số mặt hàng như: lương thực, vải, phân bón, máy kéo, máy ủi... không tiếp tục cung cấp, một số mặt hàng đồng ý cung cấp nhưng số lượng giảm nhiều.

Nếu như nguồn gốc sâu xa của quan hệ hữu nghị Trung-Việt, đặc biệt trong giai đoạn 1950-1965 là sự gặp gỡ về lợi ích thì những bất đồng, mâu thuẫn sau này lại bắt nguồn từ xung đột, mâu thuẫn về lợi ích và cả những sai lầm về đối ngoại.

Như trên đã phân tích, trong những năm từ 1950 đến đầu những năm 1960, trong bối cảnh chiến tranh lạnh đang diễn ra gay gắt, cùng đứng trong phe XHCN, Trung Quốc và Việt Nam đã có sự gặp gỡ nhất định về lợi ích. Nhưng từ sau năm 1965 trở đi, Trung Quốc và Việt

Nam sự khác biệt về lợi ích ngày càng lớn. Việt Nam vẫn theo đuổi mục tiêu cao nhất, thiêng liêng nhất, đó là tập hợp sức mạnh để giành chiến thắng, thống nhất đất nước. Kẻ thù duy nhất của Việt Nam lúc này là đế quốc Mỹ. Còn Trung Quốc, sau khi chính quyền vững mạnh, kinh tế phát triển, Trung Quốc muốn khẳng định vị trí cường quốc trước hết là trong khu vực, sau đó là quốc tế, mở rộng tầm ảnh hưởng của mình. Mục tiêu này đã ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Trung Quốc coi đế quốc Mỹ và chủ nghĩa xét lại Liên Xô là kẻ thù, trong đó Liên Xô là mối đe dọa trực tiếp nguy hiểm nhất. Sau đó, để phá thế cô lập, Trung Quốc đã hòa giải với Mỹ, liên kết với Mỹ chống lại Liên Xô. Việt Nam muốn tranh thủ viện trợ và sự ủng hộ của cả Liên Xô và Trung Quốc để chống Mỹ, còn Trung Quốc muốn Việt Nam đứng về phía mình chống lại Liên Xô, không liên kết với Liên Xô. Việt Nam muốn Trung Quốc cùng đứng về phía mình để chống Mỹ thì Trung Quốc lại hòa giải với Mỹ.

Hơn nữa, quan hệ Trung - Việt chịu tác động mạnh mẽ của quan hệ quốc tế cũng như những điều chỉnh trong chính sách đối ngoại xuất phát từ lợi ích quốc gia của Trung Quốc. Diễn ra trong bối cảnh Chiến tranh lạnh phát triển đến đỉnh điểm với các mối quan hệ quốc tế phức tạp, quan hệ Trung-Việt (trong đó Việt Nam tuy là nước nhỏ nhưng có vị trí quan trọng đối với các nước lớn) đã chịu

tác động rất lớn của bối cảnh này. Mỗi thay đổi trong chính sách đối ngoại của các nước lớn cũng như của các cặp quan hệ nước lớn đều tác động trực tiếp đến quan hệ Trung-Việt. Quan hệ Trung-Việt đã chịu tác động mạnh mẽ của quan hệ Trung-Xô khi Việt Nam trở thành nơi thể hiện mâu thuẫn, đối đầu của hai nước. “Sự tốt xấu của quan hệ Trung - Xô trên thực tế là quan hệ của 3 nước: Trung - Xô - Việt. Quan hệ Liên Xô và Trung Quốc căng thẳng, xấu đi sẽ ảnh hưởng đến quan hệ Trung - Việt, làm quan hệ này thay đổi”<sup>(19)</sup>. Thay đổi trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với Mỹ cũng là yếu tố tác động đến xu hướng phát triển ngày càng xấu đi của quan hệ Trung - Việt.

Quan hệ Trung - Việt từ khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao cho đến khi cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam kết thúc là sự nối tiếp và là bước phát triển tiếp theo của mối quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước trong thời cận đại. Việt Nam và Trung Quốc đã xây dựng mối quan hệ hữu nghị trong điều kiện mỗi nước đều có những khó khăn riêng. Đây chính là thời gian nhân dân Việt Nam phải tiến hành kháng chiến chống hai kẻ thù thực dân, đế quốc hùng mạnh. Việt Nam bước vào cuộc chiến chống giặc ngoại xâm cùng với chống giặc đói, giặc dốt ngay sau khi mới thành lập nước 1 năm, tiếp đến là cuộc kháng chiến chống Mỹ. Trong điều kiện ấy, Việt Nam cần phải tranh thủ, tập trung mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài để thực hiện thắng lợi mục tiêu

thiên liêng, cao cả đó là giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Trong những năm này, Trung Quốc cũng trải qua nhiều khó khăn từ đối nội đến đối ngoại. Mặc dù kinh tế có phát triển song tình hình trong nước cũng có những bất ổn do sai lầm trong đường lối phát triển kinh tế, do đấu tranh nội bộ Đảng. Ở bên ngoài, khó khăn từ cục diện Chiến tranh lạnh đối đầu với Mỹ, sau đó là đối đầu với cả Liên Xô, cả Mỹ, khiến Trung Quốc rơi vào tình trạng bị cô lập. Phát triển mối quan hệ hữu nghị Trung - Việt có ý nghĩa tích cực đối với bản thân mỗi nước và cả hệ thống XHCN.

Quan hệ giữa hai nước giai đoạn 1950-1975 đã để lại dấu ấn hữu nghị trong suốt chặng đường phát triển 60 năm qua. Mặc dù giữa hai nước lúc này đã xuất hiện sự thiếu tin tưởng cùng một số mâu thuẫn, và sau khi Việt Nam hoàn toàn thống nhất, quan hệ hai nước ngày càng xấu đi và dẫn đến chiến tranh biên giới năm 1979, nhưng điều không thể phủ nhận đó là sự ủng hộ, viện trợ của Trung Quốc dành cho Việt Nam để Việt Nam đi đến thắng lợi cuối cùng (trong ba cuộc chiến tranh nóng ở khu vực châu Á trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, duy nhất có Việt Nam đã thực hiện thống nhất hoàn toàn đất nước); đó là tình cảm, sự trân trọng của nhân dân Việt Nam dành cho nhân dân Trung Quốc. Trong 25 năm này, quan hệ hai nước đã để lại một số vấn đề lịch sử, đến nay có vấn đề đã giải quyết xong, có vấn đề vẫn còn tồn tại. Quan hệ láng giềng hữu nghị Trung - Việt được khẳng định

trong tương lai như thế nào phụ thuộc một phần vào việc giải quyết những vấn đề còn tồn tại ấy. Qua chặng đường phát triển này, chúng ta cũng nhận thấy đường lối đối ngoại hòa bình, độc lập, tự chủ, đặt lợi ích quốc gia lên trên hết, cân bằng quan hệ giữa các nước lớn, không đứng về phía nào vẫn sẽ là con đường tốt nhất để Việt Nam phát triển quan hệ với các nước, trong đó có Trung Quốc.

CHÚ THÍCH:

(1) Sự thật về những lần xuất quân của Trung Quốc và quan hệ Việt - Trung, sdd, tr 43.

(2) Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975, Thắng lợi và bài học, NXB Chính trị Quốc gia, 2000, tr 601.

(3) Mai Hữu Ích, Báo cáo công tác ngoại tệ đặc biệt từ 1964-1975, Lưu trữ Ngân hàng nhà nước Việt Nam, dẫn theo Đặng Phong, Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000, tập 2, NXB KHXH, trang 1105.

(4) Hồ Chí Minh toàn tập, tập 8, NXB Chính trị Quốc gia, trang 197-198.

(5) Báo Nhân dân, ngày 5-2-1973.

(6) Lý Đan Tuệ, Quan hệ Trung-Xô và viện trợ Việt Nam kháng chiến chống Mỹ của Trung quốc, “Nghiên cứu lịch sử Trung Quốc đương đại“, số 3-1998, <http://www.xslx.com>, 2004-08-13

(7) Hồng Tà Quân: *Tình sâu nghĩa nặng - Hồ Chí Minh với nhân dân hai nước Việt - Trung*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc số 3 năm 1997, trang 25.

(8) Hồng Tà Quân: *Tình sâu nghĩa nặng - Hồ Chí Minh với nhân dân hai nước Việt - Trung*. Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 3 - 1997.

(9) Một số tình hình về quan hệ Việt - Trung từ sau khi Khơ rút xấp đồ, tháng 5-1966, Tài liệu của Vụ I, Phòng Ban đối ngoại trung ương 1958-1991, đơn vị bảo quản số 1415, trang 23.

(10) Tài liệu xung quanh vấn đề ra Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc (Sau khi đoàn đại

biểu đảng ta do đồng chí Lê Duẩn dẫn đầu đi dự Đại hội 23 của ĐCS Liên Xô), Đơn vị bảo quản số 1673, trang 3, Phân phòng BCH Tư khóa III, Cục lưu trữ Trung ương Đảng.

(11) Tài liệu xung quanh vấn đề ra Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc (Sau khi đoàn đại biểu đảng ta do đồng chí Lê Duẩn dẫn đầu đi dự Đại hội 23 của ĐCS Liên Xô, Phân phòng BCH Tư khóa III, Cục lưu trữ Trung ương Đảng, Đơn vị bảo quản số 1673, trang 34.

(12) Ghi chép hội đàm giữa đoàn đại biểu Việt-Trung ngày 13-4-1966, Lý Đan Tuệ, Quan hệ Trung-Xô và viện trợ Việt Nam kháng chiến chống Mỹ của Trung Quốc, Nghiên cứu lịch sử Trung Quốc đương đại, số 3-1998, <http://www.xslx.com>, 2004-08-13.

(13) Một số tình hình về quan hệ Việt - Trung từ sau khi Khơ rút xấp đồ, tháng 5-1966, Tài liệu của Vụ I, Phòng Ban đối ngoại trung ương 1958-1991, đơn vị bảo quản số 1415, trang 20, trang 33.

(14) Lý Đan Tuệ, Quan hệ Trung-Xô và viện trợ Việt Nam kháng chiến chống Mỹ của Trung Quốc, Nghiên cứu lịch sử Trung Quốc đương đại, số 3-1998, <http://www.xslx.com>, 2004-08-13.

<sup>1</sup> Tài liệu mật gửi từ Bắc Kinh số 211/Bk gửi Bộ Chính trị ngày 25- 3- 1966, Tài liệu xung quanh vấn đề ra Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc (Sau khi đoàn đại biểu đảng ta do đồng chí Lê Duẩn dẫn đầu đi dự Đại hội 23 của ĐCS Liên Xô, Phân phòng BCH Tư khóa III, Cục lưu trữ Trung ương Đảng, Đơn vị bảo quản số 1673, trang 4.

(15) 1966年8月23日周恩来与范文同会谈记录。李丹慧, 中苏关系与中国的援越抗美, 《当代中国史研究》1998年第3期, <http://www.xslx.com>, 2004-08-13

(16) 中共中央文献研究室编: 《周恩来年谱》中卷, 中央文献出版社1997年5月版, 下卷, 第262页。

(17) Một số ý kiến về vấn đề đàm phán với Trung Quốc năm 1975 và 1976-1980 trong Hồ sơ Tài liệu tổng hợp về quan hệ kinh tế với Trung Quốc năm 1975, 1976, Trung tâm lưu trữ Quốc gia III, HS 1061.

(18) 北京大学历史系教授梁志明解密中国对越援助, china.com.cn, 2008-12-30.

